

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày: 31/3/2025

Về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nhâm Đức Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS, ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X (A)

Địa chỉ: Số nhà N, đường T, phường M, quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, sinh năm 19.....- Chức vụ: Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trần Nhật L, sinh năm 1972- Chức vụ: Giám đốc A- Chi nhánh B (Theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A).

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Hoàng G, sinh năm 1978- Chức vụ: Phó Giám đốc A- Chi nhánh B (Theo văn bản ủy quyền số 01/NHNoBN-KG-UQ ngày 13/01/2025 của Giám đốc A- Chi nhánh B).

Địa chỉ A- Chi nhánh B: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Chị Trần Gia V, sinh năm 2002

Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Ngô Văn N**, sinh năm 1973

3.2. Bà **Võ Thị Thúy O**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số nhà J, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

(Tại phiên tòa, ông Trịnh Hoàng G có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024 của Ngân hàng X (A), bản tự khai của A, nội dung phiên không hòa giải được ngày 13/02/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của A) trình bày:*

Vào ngày 16/06/2022, Ngân hàng X (A)- Chi nhánh B và chị Trần Gia V ký kết hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521; Số tiền vay: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Ngày vay: 20/06/2022; Hạn trả: 19/06/2023; Thời hạn vay: 12 tháng; Trả gốc: 12 tháng/lần; Trả lãi: 03 tháng/lần; Lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 10%/năm, từ ngày 01/01/2023 lãi suất được điều chỉnh là 13%/năm, từ ngày 01/11/2023 lãi suất được điều chỉnh là 10%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa nhà và tiêu dùng. Chị Trần Gia V đã trả tiền lãi cho A- Chi nhánh B đến ngày 16/03/2023 với số tiền là 33.063.015 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng này, chị Trần Gia Vy còn nợ A- Chi nhánh B tổng số tiền gốc và số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 527.336.986 đồng.

Vào ngày 07/03/2022, A- Chi nhánh B và chị Trần Gia V ký kết hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171; Số tiền vay: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Ngày vay: 13/03/2023; Hạn trả: 12/03/2024; Thời hạn vay vốn 12 tháng; Trả gốc: 12 tháng/lần; Trả lãi: 03 tháng/lần; Lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 13%/năm; Từ ngày 01/11/2023, lãi suất được điều chỉnh là 10%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Trồng trọt, chăn nuôi, tiêu dùng. Chị Trần Gia V đã trả tiền lãi cho A- Chi nhánh B đến ngày 21/06/2023 với số tiền là 10.791.781 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng này, chị Trần Gia V còn nợ A- Chi nhánh B tổng số tiền gốc và số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 370.873.973 đồng.

Hình thức bảo đảm tiền vay:

Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất trồng cây lâu năm số 202, tờ bản đồ số 33, diện tích 54,9m², tọa lạc tại đường Chu Văn An, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, thời hạn sử dụng đất: tháng 11/2048 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BU 484736, sổ vào sổ cấp GCN: CH003938 do UBND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16/09/2014 cho bà Nguyễn Thị Yến, chỉnh lý biến động sang tên chị Trần Gia V ngày 14/6/2022 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200515 ngày 16/06/2022 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 17/06/2022 và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Giá trị tài sản bảo đảm là 540.000.000 đồng.

Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất chuyên trồng lúa nước số 1478, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.803,7m², tọa lạc tại ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, thời hạn sử dụng đất: tháng 10/2068 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CT 088110,

sổ vào sổ cấp GCN: CS131474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/12/2019 cho ông Ngô Văn N đứng tên, ông Ngô Văn N và bà Võ Thị Thúy O bảo lãnh cho chị Trần Gia V theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200179 ngày 07/03/2022 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trương Hồng Sương ngày 07/03/2022 và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Giá trị tài sản bảo đảm là 400.000.000 đồng.

Trong quá trình vay vốn, chị Trần Gia V không thực hiện trả nợ và đã vi phạm hợp đồng tín dụng mặc dù cán bộ Ngân hàng có đến nhà chị Trần Gia V đôn đốc việc thanh toán nợ nhiều lần và lập biên bản xử lý nợ, nhưng chị Trần Gia V không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng X (A) yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Gia V phải có trách nhiệm hoàn trả cho A số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022 là 400.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 127.336.986 đồng, số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/3/2022 là 300.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 13/02/2025 là 70.873.973 đồng, tổng cộng là 898.210.959 đồng và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ vay. Nếu chị Trần Gia V không trả được nợ thì A yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O để thu hồi nợ cho A.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N và bà Võ Thị Thúy O theo quy định của pháp luật, nhưng chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N và bà Võ Thị Thúy O không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của các đương sự này.

* *Tại phiên tòa*, ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của A) vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc chị Trần Gia V phải có trách nhiệm hoàn trả cho A số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022 là 400.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 135.654.795 đồng, số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/3/2022 là 300.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 77.112.329 đồng, tổng cộng là 912.767.124 đồng và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ vay. Nếu chị Trần Gia V không trả được nợ thì Agribank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O để thu hồi nợ cho Agribank.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán nợ vay nên Ngân hàng X (A) khởi kiện bị đơn Trần Gia V cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn N, Võ Thị Thúy O tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/11/2024. Trước đây thì chị Trần Gia V có đăng ký hộ khẩu thường trú, sinh sống và ở tại tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K nhưng từ tháng 01 năm 2024, chị Trần Gia V đã bỏ đi khỏi ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K, không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay đang ở đâu, làm gì, biệt tích liên tục 06 tháng liền trở lên tại nơi cư trú cuối cùng, A đã tiến hành thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Trần Gia V theo quy định của pháp luật (BL 64-72). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 246/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024, chị Trần Gia V không có yêu cầu phản tố, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O không có yêu cầu độc lập. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS, ngày 13/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS, ngày 13/3/2025 cho chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O theo quy định của pháp luật, các đương sự này vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng; được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và ông Trịnh Hoàng G (Người được ủy quyền lại của A), Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X:

2.1. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 16/06/2022, A- Chi nhánh B và chị Trần Gia V ký kết hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521; Số tiền vay: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Ngày vay: 20/06/2022; Hạn trả: 19/06/2023; Thời hạn vay: 12 tháng; Trả gốc: 12 tháng/lần; Trả lãi: 03 tháng/lần; Lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 10%/năm,

từ ngày 01/01/2023 lãi suất được điều chỉnh là 13%/năm, từ ngày 01/11/2023 lãi suất được điều chỉnh là 10%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa nhà và tiêu dùng. Chị Trần Gia V đã trả tiền lãi cho A- Chi nhánh B đến ngày 16/03/2023 với số tiền là 33.063.015 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng này, chị Trần Gia V còn nợ A- Chi nhánh B tổng số tiền gốc và số tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 535.654.795 đồng.

Vào ngày 07/03/2022, A- Chi nhánh B và chị Trần Gia V ký kết hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171; Số tiền vay: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Ngày vay: 13/03/2023; Hạn trả: 12/03/2024; Thời hạn vay vốn 12 tháng; Trả gốc: 12 tháng/lần; Trả lãi: 03 tháng/lần; Lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 13%/năm; Từ ngày 01/11/2023, lãi suất được điều chỉnh là 10%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Trồng trọt, chăn nuôi, tiêu dùng. Chị V đã trả tiền lãi cho A- Chi nhánh B đến ngày 21/06/2023 với số tiền là 10.791.781 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng này, chị Trần Gia V còn nợ A- Chi nhánh B tổng số tiền gốc và số tiền lãi tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 377.112.329 đồng.

Hình thức bảo đảm tiền vay:

Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất trồng cây lâu năm số 202, tờ bản đồ số 33, diện tích 54,9m², tọa lạc tại đường Chu Văn An, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, thời hạn sử dụng đất: tháng 11/2048 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BU 484736, số vào sổ cấp GCN: CH003938 do UBND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16/09/2014 cho bà Nguyễn Thị Yên, chỉnh lý biến động sang tên chị Trần Gia V ngày 14/6/2022 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200515 ngày 16/06/2022 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 17/06/2022 và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất chuyên trồng lúa nước số 1478, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.803,7m², tọa lạc tại ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, thời hạn sử dụng đất: tháng 10/2068 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CT 088110, số vào sổ cấp GCN: CS131474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/12/2019 cho ông Ngô Văn N đứng tên, ông Ngô Văn N và bà Võ Thị Thúy O bảo lãnh cho chị Trần Gia Vy theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200179 ngày 07/03/2022 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trương Hồng Sương ngày 07/03/2022 và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vay vốn, chị Trần Gia V không thực hiện đúng giao kết tại các hợp đồng tín dụng nêu trên, không có thiện chí trả nợ.

Xét rằng: Chị Trần Gia V đã vi phạm các hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/06/2022 và hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 (giải ngân ngày 13/03/2023), ông Ngô Văn N và bà Võ Thị Thúy O bảo lãnh cho chị Trần Gia V theo hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất số 7714LCL202200179 ngày 07/03/2022 nhưng không làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ của người bảo lãnh, gây thiệt hại về quyền lợi chính đáng của A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O không hợp tác, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án- việc này được xem là ông N, bà O từ chối quyền lợi chính đáng của ông N, bà O trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 335, 336, 339, 342, 351, 357, 385, 401, 463, 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, qua thảo luận và nghị án, Tòa án thống nhất:

Buộc chị Trần Gia V phải có trách nhiệm hoàn trả cho A số tiền vay gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022 là 400.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 135.654.795 đồng, số tiền vay gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 (giải ngân ngày 13/03/2023) là 300.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 77.112.329 đồng, tổng cộng là 912.767.124đ (Chín trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho A, thì người phải thi hành án còn phải trả cho A khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022, báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 16/6/2022 đối với số nợ của hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022 và khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 (giải ngân ngày 13/03/2023) và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 13/03/2023 đối với số nợ của hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp chị Trần Gia V không trả được số nợ nêu trên cho A, thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200515 ngày 16/06/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200179 ngày 07/03/2022 để thu hồi nợ cho A.

2.2. Việc chị Trần Gia V thanh toán số tiền nêu trên cho A như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X (Thông qua người được ủy quyền lại của A là ông Trịnh Hoàng G).

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm d Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

3.1. Tòa án buộc chi Trần Gia V phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 36.000.000 đồng + (112.767.124 đồng x 3%) = 39.383.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn đồng).

3.2. Ngân hàng X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng X đã nộp là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010311 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 317, 318, 319, 320, 335, 336, 339, 342, 351, 357, 385, 401, 463, 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm d Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Xử:

1- Buộc chi Trần Gia V phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng X (A) số tiền vay gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022 là 400.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 135.654.795 đồng, số tiền vay gốc theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 (giải ngân ngày 13/03/2023) là 300.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 77.112.329 đồng, tổng cộng là 912.767.124đ (Chín trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho A, thì người phải thi hành án còn phải trả cho A khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022, báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 16/6/2022 đối với số nợ của hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200521 ngày 16/6/2022 và khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 (giải ngân ngày 13/03/2023) và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 13/03/2023 đối

với số nợ của hợp đồng tín dụng số 7714LAV202200171 ngày 07/03/2022 tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp chị Trần Gia V không trả được số nợ nêu trên cho A, thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200515 ngày 16/06/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7714LCL202200179 ngày 07/03/2022 để thu hồi nợ cho A.

2- Về án phí:

2-1. Buộc chị Trần Gia V phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 39.383.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn đồng).

2-2. Ngân hàng X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng X đã nộp là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010311 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Ngân hàng X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (31/3/2025); Chị Trần Gia V, ông Ngô Văn N, bà Võ Thị Thúy O có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương